|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **HUYỆN NÚI THÀNH** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| #SoKyHieuVanBan | *#DiaDiemNgayBanHanh* |

**ĐỀ ÁN**

**Phát triển kinh tế vườn - kinh tế trang trại trên địa bàn**

**huyện Núi Thành, giai đoạn 2022-2025.**

**Phần I**

**SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Huyện Núi Thành là một huyện phía nam của tỉnh Quảng Nam, có diện tích đất nông nghiệp khoảng 40.402 ha (72,67%). Huyện có tiềm năng rất lớn về phát triển kinh tế nông nghiệp trên lĩnh vực thủy sản, lâm nghiệp, trồng trọt. Đặc biệt, diện tích vườn đồi, tiềm năng phát triển kinh tế vườn (KTV), kinh tế trang trại (KTTT), kết hợp với các khu danh lam, thắng cảnh tại địa bàn như Hố Giang Thơm, suối Nà Nghệ, Thác Bà, Thác Ba Tầng, khu bảo tồn Voọc Chà vá chân xám,…để phát triển nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái.

Từ năm 2016 đến nay, được sự quan tâm của các cấp, các ngành, sự hưởng ứng tích cực của Nhân dân, dưới tác động của nhiều cơ chế, chính sách của Nhà nước, tạo động lực, khuyến khích, động viên Nhân dân chỉnh trang, cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại quy mô ngày càng lớn, mang lại hiệu quả kinh tế cao; nông dân mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, đạt giá trị kinh tế cao, góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn tại địa phương, tạo việc làm cho lao động nông thôn, sử dụng khai thác hiệu quả đất đai, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; làm đa dạng hóa sản phẩm hàng hóa có giá trị trên thị trường, tạo cảnh quan môi trường nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần quan trọng trong việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Đặc biệt, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (CT MTQGXDNTM) với các tiêu chí vườn nhà ở, Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (NTM KM), phát động các cuộc thi vườn mẫu, “vườn – tường – đường đẹp” đã tạo sự lan tỏa phong trào chỉnh trang vườn phát triển kinh tế.

Hiện nay, chính sách hỗ trợ riêng cho KTV, KTTT đã có, nhưng nguồn lực còn hạn chế, chủ yếu lồng ghép trong các cơ chế, chính sách khác như: chính sách phát triển chăn nuôi, thủy sản, phát triển dược liệu, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, phát triển liên kết trong sản xuất nông nghiệp,…Nội dung hỗ trợ không phong phú, chủ yếu hỗ trợ lãi suất vay vốn tín dụng ngân hàng; số lượng nông dân tiếp cận cơ chế, chính sách hạn chế. Do đó, việc phát triển KTV, KTTT trong thời gian qua chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh tại địa phương; KTV, KTTT chưa được khai thác đúng mức đã làm hạn chế giá trị đóng góp vào tổng giá trị chung của ngành nông nghiệp.

Để thúc đẩy phát triển KTV, KTTT góp phần nâng cao thu nhập, khai thác tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, hình thành những vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn; vừa xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn xanh – sạch – đẹp, góp phần xây dựng thành công Chương trình MTQGXDNTM trong thời gian đến, huyện Núi Thành xây dựng Đề án Phát triển kinh tế vườn - kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Núi Thành, giai đoạn 2022-2025.

**II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH 14; Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Thông tư số [02/2020/TT-BNNPTNT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/Thong-tu-02-2020-TT-BNNPTNT-tieu-chi-kinh-te-trang-trai-437240.aspx) ngày 28/02/2020 của Bộ NN và PTNT quy định về tiêu chí kinh tế trang trại;

- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác; Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật chăn nuôi;

- Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

- Kế hoạch số 314-KH/TU ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, theo Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Chương trình hành động số 01-CTr-TU, ngày 04/12/2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Kế hoạch số 3973/KH-UBND ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về triển khai thực hiện Kế hoạch số 314-KH/TU ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam;

- Quyết định số 3742/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 01-CTr-TU, ngày 04/12/2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam;

- Kế hoạch số 5177/KH-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về phát triển du lịch xanh Quảng Nam đến năm 2025;

- Nghị quyết 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam quy định cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025 (NQ35);

- Quyết định số 3361/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 20/12/2021 của Huyện ủy Núi Thành về phương hướng, nhiệm vụ năm 2022;

- Nghị quyết số 07-NQ/HU ngày 16/7/2021 của Huyện ủy Núi Thành về xây dựng huyện Núi Thành đạt chuẩn huyện nông thôn mới;

- Nghị quyết số 27-NQ/HĐND ngày 31/8/2021 của HĐND huyện Núi Thành về phát triển du lịch huyện Núi Thành giai đoạn 2021 – 2025;

- Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND huyện Núi Thành về Phát triển KT – XH 5 năm, giai đoạn 2021 – 2025;

- Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND huyện Núi Thành về Chương trình thực hiện công tác bảo vệ môi trường huyện Núi Thành giai đoạn 2022-2025;

**Phần II**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ VƯỜN, KINH TẾ TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THỜI GIAN QUA**

**1. Công tác vận động, tuyên truyền cải tạo vườn tạp, phát triển KTV – KTTT**

Phong trào phát triển kinh tế vườn trên địa bàn huyện trong năm qua đã được các cấp các ngành quan tâm chỉ đạo. Đặc biệt sau khi Tỉnh ban hành các nghị quyết, quyết định cơ chế, chính sách về khuyến khích phát triển KTV, KTTT; hỗ trợ phát triển một số cây trồng gắn với KTV, KTTT trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn trước năm 2020 đã có tác dụng thúc đẩy, khuyến khích và được đại bộ phận nông dân hưởng ứng; nhiều hộ nông dân đã có sự quan tâm tìm tòi, học hỏi và chủ động có kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế vườn, trang trại một cách tích cực, hướng vào mục tiêu sử dụng, khai thác diện tích đất trống đồi trọc, đất vườn tạp, huy động nguồn vốn tự có của gia đình và sử dụng nguồn lao động dôi thừa từ việc thay đổi chế độ canh tác từ 3 vụ sang 2 vụ lúa/năm, để đầu tư trên lĩnh vực này một cách có hiệu quả, nên đã góp phần làm phong phú thêm chủng loại nông sản phẩm trên địa bàn so với những năm trước đây.

Các hội, đoàn thể đã phát động phong trào cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế. Vận động hội viên tích cực tham gia, nhiều mô hình làm kinh tế vườn có hiệu quả kinh tế cao.

Đặc biệt, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới triển khai, đánh giá các tiêu chí về vườn, nhà ở, khu dân cư Nông thôn mới kiểu mẫu tỷ lệ nông dân cải tạo vườn tạp, trồng các loại cây theo khuyến cáo của ngành nông nghiệp có hiệu quả kinh tế cao. Nhiều nông dân chỉnh trang vườn, tham gia cuộc thi “vườn – tường – đường đẹp” cải thiện cảnh quan nông thôn, đạt giải cao trong tỉnh.

**2. Công tác quản lý Nhà nước đối với KTV-KTTT**

**- Công tác chỉ đạo thực hiện:**

Trong thời gian qua việc phát triển KTV, KTTT được sự quan tâm của các cấp, các ngành. Để thực hiện tốt chỉ đạo phát triển KTV, KTTT của HĐND huyện Núi Thành đã ban hành nhiều nghị quyết để triển khai thực hiện. Ngoài những Nghị quyết đề ra, hằng năm huyện chỉ đạo Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp huyện, UBND xã xây dựng phát triển một số mô hình phát triển kinh tế vườn để nhân rộng và phát triển.

**- Công tác vận động, tuyên truyền cải tạo vườn tạp, phát triển KTV, KTTT:**

- Phòng Nông nghiệp và PTNT và Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền lồng ghép trong các đợt tập huấn sản xuất nông nghiệp cho bà con nông dân ở các thôn, xã với 40 lớp với khoảng trên 2.500 người tham gia/năm.

- Lồng ghép trong các đợt tập huấn sản xuất, các chương trình đào tạo nghề thực hiện tuyên truyền, phổ biến các nội dung hỗ trợ của Nghị quyết để người dân nắm bắt và tham gia thực hiện.

**3. Kết quả thực hiện cơ chế hỗ trợ KTV - KTTT, giai đoạn 2016-2020**

- Về kinh tế vườn : bằng các chính sách, cơ chế khuyến khích, hỗ trợ KTV-KTTT, cùng với phong trào cải tạo vườn tạp, khai hoang lập mới vườn đồi, vườn rừng; sự nỗ lực, quyết tâm vượt khó, vươn lên làm giàu của người dân; trong thời gian qua việc cải tạo vườn tạp, thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đã có nhiều chuyển biến.

- Về kinh tế trang trại : Kết quả phát triển KTTT trong giai đoạn đến năm 2021 trên địa bàn huyện có 14 trang trại đang hoạt động. Để ứng phó với các rủi ro do giá cả thị trường nông sản biến động nên xu thế các trang trại chuyển đổi dần sang loại hình trang trại tổng hợp ngày càng nhiều; cơ cấu của loại hình trang trại này bao gồm chăn nuôi kết hợp với trồng trọt và nuôi trồng thủy sản; cây lâu năm kết hợp với cây hàng năm v.v...

- Việc phát triển KTV chỉ dừng lại ở công tác vận động, tuyên truyền, khuyến khích nông dân cải tạo vườn tạp, chưa có nhiều chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển. Các mô hình hỗ trợ chủ yếu thông qua công tác khuyến nông, kinh phí thấp, chưa tạo được sự lan tỏa phong trào làm KTV trong nông dân.

- Đối với KTTT, công tác quản lý nhà nước chủ yếu cấp giấy chứng nhận trang trại theo Thông tư 27/2011/TT-BNNPTNT đến nay đã hết hiệu lực. Nội dung hỗ trợ chủ yếu về lãi suất vay tín dụng cho các chủ trang trại. Tuy nhiên, số lượng trang trại trên địa bàn huyện không lớn, số lượng chủ trang trại tiếp cận chính sách còn hạn chế.

**4. Thực trạng về phát triển KTV, KTTT**

a) Đối với KTV

- Số lượng vườn trên toàn huyện khoảng 3.800 vườn; tổng diện tích đất vườn: 1.050 ha; trong đó vườn nhà: 430ha; vườn đồi 620ha; số vườn đã hoàn thành việc cải tạo, chỉnh trang là 2.610 vườn, đang thực hiện việc cải tạo, chỉnh trang 650 vườn và chưa thực hiện việc cải tạo, chỉnh trang 540 vườn; trong đó có khoảng 45 vườn có tiềm năng kết hợp với phát triển du lịch.

*(Kèm theo phụ lục số 01)*

- Giá trị hàng hóa của kinh tế vườn chiếm khoảng 30% trong cơ cấu của toàn ngành nông nghiệp ở địa phương; thu nhập từ KTV chiếm khoảng 30% trong tổng thu nhập của kinh tế hộ.

- Các mô hình làm vườn đã áp dụng tại địa phương (Mô hình chuyên trồng trọt cây nông nghiệp; mô hình trồng trọt cây nông nghiệp và trồng rừng; mô hình trồng trọt cây nông nghiệp kết hợp chăn nuôi; mô hình vườn – ao chuồng, vườn – ao – chuồng – rừng,...)

+ Các loại cây trồng, vật nuôi phổ biến ở các mô hình nêu trên là:

Mô hình chuyên trồng trọt cây nông nghiệp như: Trồng rau, củ, quả; cây ăn quả (xoài, bưởi, cam, quýt, chôm chôm, mít, chuối, ổi)...; trồng cây dứa, chè;cây tiêu, cây dược liệu (gừng, nghệ).

Mô hình vườn – rừng gồm: Trồng cây ăn quả kết hợp trồng cây lâm nghiệp (keo); Mô hình chăn nuôi kết hợp trồng cây lâm nghiệp.

Mô hình trồng trọt cây nông nghiệp kết hợp chăn nuôi như: mô hình nuôi gà thả vườn (nuôi gà kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp), mô hình nuôi heo rừng.

Mô hình vườn – ao chuồng, vườn – ao – chuồng – rừng như: Mô hình trồng rau kết hợp nuôi cá truyền thống và chăn nuôi gia súc, gia cầm.

+ Diện tích, năng suất hằng năm của một số cây trồng chủ yếu của KTV tại địa phương.

*(Kèm theo Phụ lục số 02)*

+ Những mô hình tiêu biểu, điển hình:

Mô hình trồng trồng trọt (trồng cây ăn quả, trồng cây dược liệu, mô hình trồng rau củ quả); mô hình này tương đối hiệu quả, giải quyết lao động và nâng cao thu nhập cho hộ gia đình, khả năng dễ nhân rộng) hiện nay một số địa phương trên địa bàn huyện phát triển mạnh các mô hình này như Tam Mỹ Tây, Tam Mỹ Đông,Tam Hiệp, Tam Xuân 1, Tam Xuân 2, Tam Trà, Tam Sơn, Tam Thạnh...Trong đó, đã có ứng dụng phương pháp thủy canh trong trồng rau tại Hợp tác xã Dream Garden , xã Tam Nghĩa; mô hình trồng nấm tại các xã Tam Quang, Tam Xuân II, Tam Mỹ Tây,...

Mô hình trồng trọt cây nông nghiệp, lâm nghiệp kết hợp với chăn nuôi (Trồng trọt kết hợp với nuôi gà thả vườn); đây là mô hình có hiệu quả kinh tế cao mang lại lợi nhuận cho người chăn nuôi, giải quyết được nhiều lao động địa phương. Mô hình này có tiềm năng và khả năng nhân rộng đặc biệt trên địa bàn các xã có diện tích vườn đồi lớn như Tam Trà, Tam Thạnh, Tam Sơn...

Mô hình chăn nuôi: bên cạnh các hình thức chăn nuôi tập trung quy mô lớn như nuôi heo, gà tại xã Tam Trà, Tam Sơn, Tam Mỹ Đông, Tam Xuân II; các hình thức nuôi gà thả vườn, heo rừng, vịt kết hợp trồng trọt, lâm nghiệp cũng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

b) Đối với KTTT

Căn cứ Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định tiêu chí trang trại; qua khảo sát, thống kê trên địa bàn huyện có 14 trang trại, trong đó: 02 trang trại trồng trọt, 04 trang trại chăn nuôi, 02 trang trại lâm nghiệp, 04 trang trại thủy sản và 02 trang trại tổng hợp. Ngoài những trang trại trên địa bàn huyện có khoảng 50 gia trại chủ yếu trên lĩnh vực chăn nuôi, tuy nhiên hiện nay chưa được thống kê, đánh giá cụ thể các gia trại này.

*(Số liệu chi tiết kèm theo phụ lục 3).*

Một số trang trại hoạt động có hiệu quả như: Trang trại tổng hợp của ông Phạm Xuân Quang tại xã Tam Thạnh; trang trại chăn nuôi của ông Ngô Đình An, ông Huỳnh Văn Bình tại xã Tam Trà, bà Đinh Thị Đào tại xã Tam Giang; trang trại trồng trọt của ông Phan Văn Thiết tại xã Tam Mỹ Tây; trang trại nuôi trồng thủy sản của ông Trần Công Thành tại xã Tam Hòa...

c) Hiệu quả, tính bền vững của các mô hình KTV, KTTT giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn huyện

Trong thời gian qua, huyện Núi Thành đã có sự quan tâm, đầu tư phát triển đối với KTV, KTTT trên địa bàn. Tuy nhiên, chính sách đầu tư chưa đồng bộ, quy mô đầu tư còn nhỏ, nội dung hỗ trợ không đa dạng chủ yếu về giống cây trồng, lãi suất vay (trang trại), chưa thúc đẩy phát triển KTV, KTTT theo đúng tiềm năng của huyện.

Các mô hình sản xuất chưa bền vững. Người dân chưa nhận thức cao trong việc phát triển KTV, KTTT, còn trông chờ vào sự hỗ trợ từ Nhà nước, còn tâm lý cứ nhận hỗ trợ, chưa đầu tư, tâm huyết, chăm sóc, trách nhiệm chưa cao. Hình thức hỗ trợ chủ yếu là hỗ trợ trước.

Tuy nhiên, nhiều chủ trang trại đã mạnh dạn cải tạo, đầu tư vốn xây dựng nhiều trang trại hoạt động hiệu quả, bền vững. Các trang trại này chưa nhận được nhiều sự quan tâm đầu tư của Nhà nước. Nhu cầu hỗ trợ lớn về vốn, lãi suất, cây, con giống, cơ sở hạ tầng, hệ thống cấp nước, hệ thống tưới,...

**5. Đánh giá chung**

**5.1 Về ktv:**

a. Thuận lợi:

Thực hiện Nghị quyết huyện đảng bộ và Nghị quyết chuyên đề phát triển nông nghiệp của Huyện ủy đề ra, cùng với việc quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện, quy hoạch ngành thủy sản, quy hoạch lâm nghiệp và thủy lợi,… thời gian qua sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện đã đi đúng định hướng tăng hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích, kinh tế hộ ngày càng được phát huy.

Huyện Núi Thành có tiềm năng rất lớn về diện tích vườn. Đặc biệt diện tích vườn đồi tại các xã trung du, miền núi. Đất đai màu mỡ, gần các nguồn nước tưới,…thuận lợi để cải tạo phát triển kinh tế vườn.

Sản xuất nông nghiệp với cơ cấu cây trồng, vật nuôi ngày càng đa dạng. Các tiến bộ kỹ thuật về giống, trình độ đầu tư thâm canh, chăm sóc phòng trừ dịch bệnh… được nông dân ứng dụng mang lại hiệu quả cao, hệ thống thủy lợi ngày càng được nâng cấp và mở rộng. Phần lớn hồ đập, kênh mương thủy lợi được kiên cố hóa.

Nguồn lao động dồi dào, có truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, tích luỹ được nhiều kinh nghiệm sản xuất quý báu, có ý chí vươn lên làm giàu chính đáng.

Sản xuất lâm nghiệp, việc giao đất giao rừng cho dân những năm gần đây được thực hiện đã thúc đẩy kinh tế lâm nghiệp phát triển, xuất hiện nhiều trang trại lâm nghiệp, trang trại kinh doanh tổng hợp sản xuất kinh doanh hiệu quả.

Tác động của các chương trình mục tiêu (như QĐ 44, Dự án 661, Chương trình 135, 257…), đã tạo những tiền đề cần thiết, hỗ trợ và thúc đẩy kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện phát triển.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể từ huyện đến cơ sở đối với sản xuất nông nghiệp quyết liệt và quan tâm hơn trước nên hiệu quả sản xuất nông nghiệp trong những năm qua trên địa bàn huyện tăng lên rõ rệt.

Chương trình ‘Mỗi xã một sản phẩm”, hỗ trợ chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo Nghị quyết 17/2021/NQ-HDND tỉnh giúp các chủ thể sản phẩm được xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản.

b. Khó khăn:

Khí hậu thời tiết là yếu tố chi phối, tác động chủ yếu đến sản xuất nông nghiệp. Những năm qua bão và lũ lụt thường xuyên xảy ra tuy ở mức độ khác nhau nhưng đã làm thiệt hại không nhỏ đến sản xuất. Đặc biệt cơn bão số 9 (27/10/2020) có sức tàn phá nặng nề làm thiệt hại lớn đến sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trên địa bàn huyện; kết cấu hạ tầng nông thôn bị hư hỏng. Bên cạnh đó, ảnh hưởng tác động của dịch tả lợn Châu Phi trên gia súc, dịch bệnh Covid -19 ở người cùng với giá cả nông sản bấp bênh, trong khi giá vật tư đầu vào cho sản xuất ngày càng tăng làm giảm hiệu quả sản xuất, một số cây trồng, vật nuôi bị thua lỗ, thậm chí một số nông sản nông dân làm ra không tiêu thụ được. Dịch bệnh gia súc, gia cầm xảy ra liên tục gây thiệt hại lớn cho người chăn nuôi.

Huyện Núi Thành đang phát triển mạnh về công nghiệp, thu hút lao động, đặc biệt lao động trẻ, có tay nghề vào làm việc tại các khu công nghiệp. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ diễn ra mạnh mẽ. Lực lượng lao động tại nông thôn đa số là lao động lớn tuổi, không có kiến thức sâu về kinh tế vườn, sản xuất theo mô hình truyền thống, tập quán canh tác còn lạc hậu, hiệu quả kinh tế thấp. Công tác tuyên truyền, vận động khó khăn trong việc nâng cao nhận thức, chuyển biến ý thức hệ của người lao động nông thôn.

Ngành trồng trọt chủ yếu sản xuất cây lúa và một số cây màu có giá trị kinh tế thấp, chưa tạo ra những mô hình hiệu quả bền vững; ngành chăn nuôi dịch bệnh thường xuyên xảy ra; nuôi trồng thủy sản nước lợ thường xuyên bị dịch bệnh… Giá trị sản xuất nông nghiệp có tăng nhưng chưa thật sự bền vững do chưa bố trí quy hoạch một cách hợp lý.

Do đó, sản xuất nông nghiệp phải chuyển dần theo hướng sản xuất hàng hóa lấy giá trị làm thước đo. Nền sản xuất hàng hóa yêu cầu phải tạo ra những vùng tập trung, chuyên canh và có sản lượng nhất định với các nông sản chính. Muốn vậy, cần phải có sự định hướng của Nhà nước thông qua quy hoạch, kế hoạch xác định vùng và quy mô sản xuất ổn định.

**5.2. Về kttt**

a. Thuận lợi:

- Kinh tế trang trại trên địa bàn huyện phát triển phù hợp với định hướng cơ cấu phát triển ngành, hiện nay địa phương đã xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp đã quy hoạch những diện tích phát triển chăn nuôi tập trung, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, đây là thế mạnh để phát triển kinh tế trang trại của địa phương. Kinh tế trang trại đóng góp rất lớn trong cơ cấu ngành nông nghiệp và có nhiều tiềm năng để đầu tư phát triển.

- Hiện nay, chủ trương của ngành nông nghiệp đang khuyến khích phát triển kinh tế vườn đồi, chuyển đổi diện tích canh tác độc canh cây keo nguyên liệu sang phát triển kinh tế trang trại, cây gỗ lớn, cây ăn quả, chăn nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đây là khu vực có tiềm năng lớn về diện tích, điều kiện sản xuất, thổ nhưỡng,…để phát triển.

- Việc phát triển kinh tế trang trại mang lại hiệu quả rất lớn cho phát triển ngành cũng như thu nhập của người nông dân, ổn định cuộc sống; phát triển trang trại theo quy hoạch sẽ đảm bảo về môi trường và là giải pháp cho môi trường cho thực trạng chăn nuôi hiện nay.

b. Khó khăn:

- Một số trang trại phát triển tự phát, quy mô nhỏ lẻ, chưa khớp nối với quy hoạch, điều kiện môi trường không đảm bảo, đặc biệt là các trang trại chăn nuôi. nên một số trang trại không đảm bảo các điều kiện để việc phát triển hạ tầng tại các khu chăn nuôi tập trung và phát triển công nghệ cao chưa được quan tâm đầu tư hạ tầng giao thông, điện, nước, hệ thống xử lý chất thải khu chăn nuôi tập trung theo quy hoạch chưa thể triển khai được.

- Việc chuyển đổi mục đích đất trong nhóm đất nông nghiệp từ rừng sản xuất sang trồng cây ăn quả, chăn nuôi còn gặp nhiều khó khăn về cơ chế, thủ tục.

- Khó khăn về cơ sở hạ tầng nhất là giao thông, thủy lợi, điện, hệ thống xử lý môi trường phục vụ phát triển KTTT; đầu ra của sản phẩm còn bị động, tùy thuộc vào thị trường; việc hợp tác liên kết trong sản xuất, sơ chế biến và tiêu thụ sản phẩm có quan tâm, có liên kết nhưng chưa nhiều; thiếu kiến thức về tổ chức quản lý trang trại, việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật để phát triển các đối tượng sản xuất còn hạn chế; trong nhiều năm qua chưa có các cơ chế, chính sách hỗ trợ từ phía nhà nước cho trang trại; chủ trang trại phần lớn khó tiếp cận được vốn vay của ngân hàng...

**Phần III**

**MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KTV- KTTT**

**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NÚI THÀNH, GIAI ĐOẠN 2022-2025**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Phát triển KTV, KTTT phải hướng đến mục tiêu gia tăng giá trị, tạo ra được khối lượng hàng hóa lớn; áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật tiên tiến, hiện đại vào sản xuất; mở rộng quy mô, hình thức liên kết trong các khâu, từ khâu giống đến sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, an toàn dịch bệnh; sản xuất sản phẩm theo hướng sạch, hữu cơ; tạo cảnh quan môi trường nông thôn theo hướng xanh - sạch – đẹp bên cạnh các mục tiêu kinh tế, để thúc đẩy, thực hiện thành công Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao, kiểu mẫu. Ở những nơi, những địa phương có điều kiện, phát triển KTV, KTTT cần hướng đến việc gắn kết với phát triển du lịch, nhằm gia tăng giá trị.

Nhà nước quan tâm, có cơ chế, chính sách để tạo điều kiện hỗ trợ thuận lợi cho Nhân dân phát triển KTV, KTTT. Trong đó, chú trọng khâu định hướng phát triển các loại cây trồng, con vật nuôi phù hợp; hỗ trợ khâu đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực nông nghiệp, nhất là khâu giống, vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất, dịch bệnh; hỗ trợ đầu tư có hiệu quả hạ tầng sản xuất; hỗ trợ phát triển sản phẩm, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại; chú trọng khâu nghiên cứu, ứng dụng khoa học và sản xuất; hỗ trợ phát triển liên kết sản xuất… cho KTV, KTTT.

**2. Mục tiêu cụ thể**

- Xây dựng mới 150 vườn đảm bảo hệ thống nước tưới, trồng các loại cây trồng có chất lượng và có giá trị kinh tế cao.

- Xây dựng mới 05 trang trại đạt tiêu chí theoThông tư 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ NN&PTNT.

- 100% vườn nhà có diện tích 1.000m2 trở lên được cải tạo.

- Phấn đấu đến năm 2025, có 100 vườn có thu nhập bình quân trên 100 triệu đồng/năm.

- Hình thành vùng sản xuất chuyên canh các loại cây ăn quả, phấn đấu đến năm 2025 có ít nhất 30 mô hình chuyển đổi từ các loại cây trồng kém hiệu quả, vùng sản xuất gỗ keo thành vùng chuyên canh các loại cây ăn quả.

- Nâng cấp, cải thiện, chỉnh trang kinh tế vườn để đến năm 2025 có 30 vườn nhà đạt chuẩn vườn nông thôn mới xanh - sạch - đẹp - hiệu quả.

- Có ít nhất có 03 - 05 sản phẩm từ KTV-KTTT đạt sản phẩm OCOP.

- Mỗi năm xây dựng ít nhất 01 mô hình liên kết theo chuỗi giá trị.

- 100% các chủ KTV-KTTT thực hiện theo đề án được tập huấn về kỹ thuật sản xuất tiên tiến, áp dụng công nghệ cao vào sản xuất.

**II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**1. Nhiệm vụ**

- Lập kế hoạch phát triển KTV-KTTT cụ thể cho từng năm, quy hoạch đất đai hợp lý cho từng loại cây theo Đề án KTV-KTTT, xây dựng và hình thành mô hình điểm có hiệu quả kinh tế để áp dụng và nhân rộng.

- Đầu tư, từng bước hình thành vườn ươm sản xuất giống cây trồng để kết hợp sản xuất, nhân giống cây ăn quả, cây dược liệu nhằm đáp ứng cây giống có chất lượng phục vụ cho phát triển KTV-KTTT trên địa bàn huyện.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho người dân về phát triển KTV-KTTT, tăng cường việc chuyển giao ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ cao, công nghệ sinh học vào sản xuất, chế biến bảo quản nông, lâm sản.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích để đầu tư, hỗ trợ cho phát triển KTV-KTTT, huy động vốn đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến bảo quản các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp.

**2. Giải pháp**

**a) Công tác tổ chức, quản lý, điều hành, tuyên truyền, vận động**

- Các cơ quan chuyên môn, địa phương, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân cải tạo vườn tạp, chỉnh trang vườn nhà, đầu tư phát triển các mô hình sản xuất - kinh doanh phù hợp với điều kiện từng địa phương; tuyên truyền các mô hình sản xuất hiệu quả, có tiềm năng để Nhân dân nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, mạnh dạn đầu tư, phát triển KTV, KTTT… thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, đa dạng về hình thức, thực chất về nội dung.

- Lồng ghép tuyên truyền, vận động Nhân dân phát triển KTV, KTTT vào các cuộc họp, hội, các đợt sinh hoạt, tập huấn liên quan. Hàng năm, các địa phương cần đưa chuyên đề phát triển KTV, KTTT vào hội nghị tổng kết sản xuất nông nghiệp; tăng cường tổ chức cho người dân đi tham quan, học tập kinh nghiệm về các mô hình hay, điển hình, phù hợp với địa phương mình để làm cơ sở nhân rộng, phát triển KTV, KTTT tại địa phương.

**b) Công tác quy hoạch, mở rộng diện tích đất để phát triển trang trại**

- Chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư xây dựng phát triển KTV - KTTT gắn với Chương trình MTQGXD NTM. Thực hiện công tác quy hoạch nông thôn mới gắn với quy hoạch khu sản xuất tập trung, chuyên canh, đảm bảo phục vụ sản xuất phát triển KTV-KTTT. Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông nông thôn, thủy lợi và hệ thống điện.

- Phát triển sản xuất KTV chủ yếu là các cây ngắn ngày, như rau, đậu, củ quả, các loại hoa… chú trọng hình thành các vùng chuyên canh sản xuất theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (GAP), sản xuất hữu cơ và ứng dụng công nghệ cao, tưới nước tiên tiến, tiết kiệm; phát triển sản xuất rau sạch; phát triển nghề trồng hoa và sinh vật cảnh.

- Phát triển KTTT chủ yếu là các loại cây ăn quả phù hợp với chân đất của từng địa phương, phát triển chăn nuôi trang trại (chăn nuôi bò, lợn, gà, vịt) theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp với công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong xử lý nhằm tái sử dụng chất thải từ gia súc (phân bón sinh học), kiểm soát dịch bệnh; phát triển nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch, duy trì, ổn định.

- Rà soát, kiểm tra hiện trạng quản lý sử dụng đất, có các biện pháp quản lý tốt quỹ đất để phát triển các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản; đẩy nhanh việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) cho chủ trang trại, hộ gia đình phát triển sản xuất theo quy hoạch.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho Hộ gia đình, chủ doanh nghiệp, HTX, chủ trang trại có nguyện vọng và khả năng đầu tư vốn phát triển trang trại, các cơ sở sản xuất giống cây… được ưu tiên cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Khuyến khích phát triển mô hình “Đổi thửa, dồn vườn” theo hướng tập trung, quy mô diện tích lớn, để phát triển KTV, KTTT. Về lâu dài, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa khi điều kiện cho phép

**c) Về vốn vay**

- Triển khai và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ trên lĩnh vực phát triển kinh tế nông nghiệp: Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 về của Chính phủ về chính sách tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Quyết định 522/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định về triển khai thực hiện Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam… và các cơ chế của tỉnh, huyện và lồng ghép nhiều nguồn vốn khoa học và công nghệ, khuyến công, nguồn vốn từ chương trình NTM để đầu tư phát triển KTV-KTTT.

- Khuyến khích Nhân dân vay vốn từ các chương trình giảm nghèo tại ngân hàng CS-XH huyện, từ các ngân hàng khác để đầu tư mua cây giống, con giống, máy móc và vật tư thiết yếu để đầu tư phát triển KTV-KTTT.

- Triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế, miễn giảm thuế và các chính sách ưu đãi cho đầu tư phát triển KTV-KTTT.

**d) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp**

- Tiếp tục quan tâm đầu tư cho công tác khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm; chú trọng chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại cho người sản xuất, cho chủ vườn, chủ trang trại; tăng cường ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ các khâu trong sản xuất, chú trọng khâu chế biến, chế biến sâu nông sản, tạo ra các sản phẩm có lợi thế, đặc trưng ở địa phương để tham gia Chương trình mỗi xã, một sản phẩm (OCOP).

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình làm vườn ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới, vườn mẫu để tăng năng suất và chất lượng nông sản; ứng dụng công nghệ trong bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm. Hỗ trợ xây dựng các mô hình phát triển các loại cây có tiềm năng, lợi thế. Định hướng ứng dụng công nghệ 4.0 vào sản xuất KTV, KTTT.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực giống nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại vật tư kỹ thuật; kiểm tra quản lý chặt chẽ chất lượng cây, con giống do các đơn vị doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất - kinh doanh trên địa bàn; phát triển hệ thống các cơ sở sản xuất giống cây trồng, con vật nuôi chất lượng.

- Hỗ trợ, phát triển các mô vườn mẫu trong xây dựng nông thôn mới, phát triển du lịch nông nghiệp nông thôn; phát triển các mô hình sản xuất theo phương thức nông - lâm kết hợp, vừa có hiệu quả kinh tế vừa chống được xói mòn, sạt lở, bảo vệ tốt môi trường.

**đ) Giải pháp sản xuất an toàn dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai**

- Coi trọng việc nghiên cứu dự tính, dự báo tình hình dịch hại đối với từng loại cây trồng, vật nuôi một cách định kỳ gần nhất để có điều kiện giám sát được tình hình dịch bệnh cho từng đối tượng cây trồng, vật nuôi.

- Tăng cường tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng mô hình điểm về sản xuất an toàn dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai cho nhân dân học tập và làm theo. Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ chuyên môn kỹ thuật đáp ứng nhu cầu tập huấn hướng dẫn, giám sát dịch bệnh trong sản xuất trồng trọt, chăn nuôi. Đẩy mạnh hơn nữa ứng dụng công nghệ vi sinh vào sản xuất nông nghiệp để chủ động phòng ngừa dịch bệnh.

- Liên kết với các trung tâm dự phòng, chẩn đoán dịch bệnh để phát hiện sớm dịch bệnh có biện pháp xử lý kịp thời. Sản xuất theo đúng quy hoạch, đúng định hướng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với từng loại giống cây trồng có tính chống chịu với điều kiện thiên tai, thời tiết.

- Trong sản xuất bố trí cơ cấu hợp lý, thực hiện chuyển đổi mùa vụ thích ứng với biến đổi khí hậu để nhằm tránh điều kiện thời tiết bất lợi và thiên tai có thể xảy ra. Hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Sản xuất gắn với thu hoạch, bảo quản kịp thời, tránh tồn đọng sản phẩm khi gặp điều kiện thời tiết bất lợi và thiên tai xảy ra.

**e) Nâng cao năng lực quản lý, sản xuất cho chủ vườn, chủ trang trại**

- Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ các chuyên gia giỏi và chuyên sâu đối với từng loại cây trồng, vật nuôi; đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân làm KTV, KTTT.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho chủ vườn, chủ trang trại về các kỹ thuật chuyên ngành cây trồng, vật nuôi; đào tạo kiến thức quản trị sản xuất liên quan, nhất là đối với các chủ trang trại.

**f) Hỗ trợ xúc tiến thương mại, phát triển thị trường**

- Tăng cường thực hiện công tác liên doanh, liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa người sản xuất, chủ trang trại với các Hợp tác xã (HTX) và doanh nghiệp; quan tâm công tác hỗ trợ xúc tiến thương mại; các ngành: Công thương, Nông nghiệp và PTNT… tăng cường thông tin, dự báo về thị trường tiêu thụ nông sản, giúp các chủ vườn, chủ trang trại định hướng sản xuất.

- Tạo điều kiện cho các chủ trang trại được tiếp cận và tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại. Hướng dẫn và hỗ trợ cho các chủ trang trại sản xuất nông sản theo hướng VietGap, hữu cơ, các tiêu chuẩn theo quy định của khu vực, Quốc tế… để đưa sản phẩm vào các siêu thị, liên doanh, liên kết để xuất khẩu; hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý, xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm nông sản từ KTV, KTTT.

**g) Tăng cường đầu tư, hỗ trợ phát triển hạ tầng cơ bản phục vụ sản xuất nông nghiệp**

- Tiếp tục rà soát hiện trạng hạ tầng sản xuất tại các địa phương; Ưu tiên, bố trí nguồn lực kinh phí đủ lớn để hỗ trợ, đầu tư phát triển hạ tầng cơ bản đồng bộ về giao thông, thủy lợi, điện sản xuất, nhất là khu vực được chọn xây dựng khu trang trại; hỗ trợ các biện pháp tưới cho KTV.

- Việc đầu tư phải gắn với công tác quản lý, bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng công trình; đồng thời, phải có sự tham gia, đóng góp của cộng đồng, dân cư, các cá nhân, tổ chức liên quan trong tổ chức thực hiện.

**h) Nội dung hỗ trợ KTV, KTTT**

Ngoài việc tăng cường công tác lồng ghép các nguồn vốn từ các cơ chế, chính sách của tỉnh đã ban hành, từ các Chương trình, dự án liên quan, cần phải thực hiện các cơ chế, chính sách riêng để hỗ trợ phát triển cho KTV, KTTT trong giai đoạn 2022-2025. Trong đó, chú trọng các chính sách hỗ trợ về: Đào tạo nhân lực; Khoa học và Công nghệ; Hạ tầng sản xuất, chế biến, bảo quản (giao thông, điện, thủy lợi, trang thiết bị phục vụ sản xuất); vay vốn tín dụng; xúc tiến thương mại;…

**Phần IV**

**NỘI DUNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KTV, KTTT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NÚI THÀNH, GIAI ĐOẠN 2022-2025**

**I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

- Quy định khu vực áp dụng: tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Núi Thành thuộc khu vực I theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam quy định cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025.

- Quy định đối với vườn, trang trại:

+ Vườn là phần diện tích tối thiểu đất canh tác còn lại sau khi trừ diện tích nhà ở, vật kiến trúc, công trình xây dựng khác hoặc là phần diện tích đất liền thửa của vườn đồi/vườn rừng. Quy mô diện tích tối thiểu từ 1.000 m2 trở lên.

+ Trang trại đạt tiêu chí quy định tại Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về tiêu chí kinh tế trang trại và các quy định khác tại Đề án này.

- Quy định đối với các loại cây trồng được hỗ trợ; không được hỗ trợ:

+ Các loại cây trồng được hỗ trợ: Các loại cây hàng năm (rau củ quả các loại, hoa, cây dược liệu ngắn ngày); các loại cây lâu năm (cây ăn quả, cây công nghiệp, cây dược liệu dài ngày) được ngành nông nghiệp tỉnh khuyến cáo sản xuất.

+ Không áp dụng cơ chế hỗ trợ đối với chủ trang trại lâm nghiệp trồng các loại keo làm nguyên liệu giấy.

**2. Đối tượng áp dụng**

- Cá nhân, chủ hộ gia đình có vườn (gọi tắt chủ vườn), chủ trang trại có hoạt động sản xuất trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đáp ứng các nguyên tắc, điều kiện được quy định tại Đề án này.

- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong thực hiện Đề án này.

**II. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ**

**1. Nguyên tắc hỗ trợ**

- Chủ vườn, chủ trang trại thường trú tại tỉnh Quảng Nam, có phương án/dự án sản xuất - kinh doanh phù hợp với định hướng, quy hoạch phát triển nông lâm nghiệp và thủy sản do UBND xã, thị trấn ban hành và phải đảm bảo các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Đất sản xuất phải đảm bảo sử dụng ổn định, lâu dài, không tranh chấp, không vi phạm quy định pháp luật về đất đai và được UBND cấp xã xác nhận. Đối với các phương án/dự án KTV, KTTT thực hiện trên diện tích đất sử dụng cho mục đích lâm nghiệp thì đối tượng đưa vào sản xuất phải phù hợp và áp dụng các quy định sản xuất nông, lâm nghiệp kết hợp trên đất lâm nghiệp theo quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật lâm nghiệp.

- Đối tượng thụ hưởng cơ chế hỗ trợ theo quy định tại Đề án này được hỗ trợ tối đa 01 vườn và 01 trang trại và chỉ được hỗ trợ một lần cho một nội dung được hỗ trợ.

- Trường hợp cùng một thời điểm, cùng nội dung mà có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau, thì đối tượng thụ hưởng chỉ được lựa chọn một chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

**2. Phương thức hỗ trợ:** Hỗ trợ sau đầu tư và hỗ trợ 01 lần sau khi được cấp huyện tổ chức kiểm tra, nghiệm thu *(trừ nội dung hỗ trợ tại điểm a, b, c khoản 1, mục III, phần IV của Đề án này).*

**III. NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ**

1. Hỗ trợ chung đối với KTV, KTTT

a) Chi cho công tác thông tin, tuyên truyền về KTV, KTTT:Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nội dung, mức chi cụ thể thực hiện theo Nghị định số18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và các quy định hiện hành khác.

b) Chi Hội nghị, hội thảo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, chủ vườn, chủ trang trại:Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nội dung, mức chi cụ thể thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức; Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi ngân sách nhà nước để thực hiện việc xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và các quy định hiện hành khác; Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

c) Chi tham quan, học tập kinh nghiệm về KTV, KTTT trong và ngoài tỉnh:Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nội dung, mức chi cụ thể thực hiện theo Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Hỗ trợ xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến cho các sản phẩm từ KTV, KTTT: Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ4 phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019-2025.

e) Hỗ trợ thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói, tem điện tử (truy xuất nguồn gốc  
sản phẩm nông sản từ vườn, trang trại): Hỗ trợ 50% chi phí và không quá 05 triệu  
đồng/01 sản phẩm. Tổng mức hỗ trợ không quá 05 triệu đồng/chủ vườn và không  
quá 10 triệu đồng/chủ trang trại.

f) Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa nông sản từ vườn, trang trại: Chi theo  
dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nội dung, mức hỗ trợ thực hiện theo  
quy định tại Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

g)Hỗ trợ lãi suất tiền vay: Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí trả lãi suất tiền vay cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng để đầu tư phát triển vườn, trang trại; mức lãi suất tiền vay để làm cơ sở cho việc hỗ trợ từ ngân sách tỉnh phải được chủ vườn, chủ trang trại thỏa thuận phù hợp với mức lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ, cụ thể:

Đối với vườn trồng cây hàng năm: Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 60% tổng vốn đầu tư nhưng không quá 300 triệu đồng/vườn; mức hỗ trợ là 50% lãi suất vay thực trả; thời gian hỗ trợ tối đa 01 năm (12 tháng)/chủ vườn.

Đối với vườn trồng cây lâu năm: Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 60% tổng vốn đầu tư nhưng không quá 500 triệu đồng/vườn; mức hỗ trợ là 50% lãi suất vay thực trả; thời gian hỗ trợ tối đa 03 năm (36 tháng)/chủ vườn.

Đối với trang trại: Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 60% tổng vốn đầu tư nhưng không quá 1.000 triệu đồng/trang trại; mức hỗ trợ là 50% lãi suất vay thực trả. Thời gian hỗ trợ tối đa: 01 năm (12 tháng)/chủ trang trại trồng cây hàng năm, trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản có chu kỳ nuôi từ 01 năm trở xuống, trang trại tổng hợp (không có đối tượng có chu kỳ sản xuất lớn hơn 01 năm); 03 năm (36 tháng)/chủ trang trại trồng cây lâu năm, trang trại lâm nghiệp, trang trại tổng hợp (có ít nhất 01 đối tượng có chu kỳ sản xuất lớn hơn 01 năm), trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản có chu kỳ nuôi lớn hơn 01 năm (hỗ trợ không quá 01 chu kỳ sản xuất, từ khi nuôi đến khi khai thác).

Khi Đề án này hết hiệu lực thi hành theo thời gian, trường hợp chủ vườn, chủ trang trại đã được cấp có thẩm quyền thống nhất hỗ trợ lãi suất tiền vay trước thời điểm 31/12/2025 thì được hỗ trợ lãi suất cho đến hết thời hạn hỗ trợ vay vốn.

h) Hỗ trợ xây dựng công trình cấp nước: Hỗ trợ xây dựng 01 công trình (đối với chủ vườn) và tối đa 02 công trình (đối với chủ trang trại) để xây dựng công trình cấp nước như: Giếng khoan/giếng đóng, giếng đào hoặc lắp đặt đường ống dẫn nước từ các nguồn. Hỗ trợ tối đa: 70% giá trị một trong các công trình cấp nước, nhưng không quá 30 triệu đồng/công trình

i) Hỗ trợ xây dựng, lắp đặt các hệ thống tưới (tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm như: Tưới nhỏ giọt, phun mưa, tưới ngầm) để phục vụ cho phát triển KTV, KTTT: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025.

2. Hỗ trợ riêng đối với KTV:

a) Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí cho chủ vườn thực hiện chỉnh trang, cải tạo vườn (loại bỏ cây tạp, cải tạo mặt bằng, làm tường rào, cổng ngõ: xếp đá, hàng rào bằng cây xanh để tạo cảnh quan). Mức hỗ trợ tối đa: 04 triệu đồng/1.000m2.

b) Hỗ trợ giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất:

- Hỗ trợ giống cây trồng: Hỗ trợ kinh phí mua giống cây trồng dài ngày: Hỗ trợ tối đa 30% kinh phí nhưng không quá 3,5 triệu đồng;

- Hỗ trợ kinh phí mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật (khuyến khích sử dụng các sản phẩm từ sinh học). Mức hỗ trợ tối đa : 400.000 đồng/1.000m2. Hạn mức diện tích được tính hỗ trợ không quá 3.000m2/chủ vườn.

3. Hỗ trợ riêng đối với trang trại:

a) Hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí thực hiện thiết kế và cải tạo mặt bằng làm  
trang trại. Mức hỗ trợ tối đa: 30 triệu đồng.

b) Hỗ trợ hạ tầng sản xuất bên trong trang trại

Hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí đầu tư máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản tại trang trại, nhưng không quá 250 triệu đồng/trang trại.

Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất, bao gồm: Chi phí xây dựng chuồng trại (chuồng trại phải có hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường), xây dựng ao nuôi/lồng nuôi đối với trang trại thủy sản; nhà lưới, nhà kính; hàng rào bảo vệ; nhà xưởng; nhà sơ chế, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản. Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/trang trại.

**IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**4.1. Kinh phí thực hiện:**

- Tổng kinh phí: 36.177 triệu đồng.

*Trong đó:*

- Vốn Nhân dân: 18.537 triệu đồng.

- Vốn ngân sách Nhà nước: 17.640 triệu đồng.

*+ Vốn hỗ trợ trực tiếp cấp Tỉnh: 10.603 triệu đồng.*

*+ Vốn ngân sách cấp huyện: 7.037 triệu đồng.*

*+ Vốn lồng ghép, khác: 0 triệu đồng.*

**4.2. Nhu cầu vốn hỗ trợ chi tiết:** *(Kèm theo Phụ lục 4,5).*

**Phần V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện**

- Tham mưu giúp UBND huyện quản lý Nhà nước về KTV, KTTT trên địa bàn; phối hợp với các đơn vị, địa phương xây dựng, triển khai kế hoạch phát triển KTV - KTTT hằng năm.

- Kịp thời phổ biến các cơ chế, chính sách, chủ trương của Trung ương, của Tỉnh về khuyến khích phát triển KTV, KTTT; tăng cường công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, lao động tại các trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp; tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn, tập huấn liên quan về kỹ thuật sản xuất nông nghiệp; kỹ thuật làm vườn; tổ chức bồi dưỡng kiến thức về quản trị trang trại; tăng cường công tác nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, các giống mới có hiệu quả cho chủ vườn, chủ trang trại; hằng năm, đề xuất tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm về phát triển KTV, KTTT tại các địa phương trong và ngoài tỉnh có phong trào làm KTV, KTTT hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản lý chuyên ngành việc sản xuất, kinh doanh, buôn bán các loại giống cây trồng, con vật nuôi; tăng cường công tác thú y chăn nuôi, thủy sản; công tác quản lý dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch, báo cáo UBND huyện kết quả triển khai thực hiện; tham mưu UBND huyện sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch.

- Gắn kết các nội dung về phát triển KTV, KTTT với Chương trình MTQGXD NTM trên địa bàn huyện.

**2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện**

Chủ trì tham mưu phân bổ kinh phí thực hiện kế hoạch; hướng dẫn các đơn vị, địa phương, các đối tượng hưởng lợi thực hiện đúng các quy định về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí.

**3. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện**

Phối hợp với các địa phương rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất hằng năm đảm bảo quỹ đất để phát triển KTV-KTTT theo kế hoạch; hướng dẫn các địa phương, các chủ vườn, chủ trang trại thực hiện các thủ tục giao đất, cho thuê đất. Tham mưu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định; quản lý, hướng dẫn công tác bảo vệ môi trường trong phát triển KTV, KTTT trên địa bàn.

Gắn kết các nội dung về phát triển KTV, KTTT với Chương trình bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện.

**4. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tham mưu cho UBND huyện công tác quy hoạch, thực hiện quy hoạch, xúc tiến thương mại, quản lý thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm.

- Đề xuất bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học để thực hiện các đề tài, mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ có hiệu quả vào sản xuất; hướng dẫn xây dựng thương hiệu sản phẩm.

**5. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện**

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách hỗ trợ KTV, KTTT; các mô hình, điển hình tiên tiến, hiệu quả trong phát triển KTV, KTTT; Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất - kinh doanh nông nghiệp trong thời gian đến. Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, giới thiệu và quảng bá sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên các trang thông tin điện tử.

Gắn kết các nội dung về phát triển KTV, KTTT với Đề án phát triển du lịch trên địa bàn huyện.

**6. Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp huyện**

Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện tổ chức triển khai Đề án. Tuyên truyền, định hướng các đối tượng cây trồng, con vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương cho nông dân phát triển.

Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, phòng trừ sâu bệnh, dịch bệnh cho nông dân sản xuất an toàn, ưu tiên định hướng sản xuất theo hình thức an toàn dịch bệnh, hữu cơ, có chứng nhận,…

**7. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện:**

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tham mưu UBND huyện chỉ đạo thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn phục vụ nguồn nhân lực cho thực hiện kế hoạch.

**8. Các phòng, ban liên quan:**

Theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, các phòng ban liên quan và các địa phương tham mưu UBND huyện chỉ đạo thực hiện kế hoạch trên địa bàn.

**9. Các ngân hàng:**

Triển khai các chương trình tín dụng phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, theo quy định của Nhà nước; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận nguồn vốn vay để đầu tư phát triển KTV-KTTT theo kế hoạch.

**10. Đề nghị Uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện, các Hội đoàn thể cấp huyện**

- Tăng cường công tác phối hợp, tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tích cực tham gia thực hiện kế hoạch; thực hiện công tác giám sát, phản biện xã hội theo quy định; tham gia vận động, phát triển các câu lạc bộ làm vườn, làm kinh tế trang trại, các tổ chức hợp tác, liên kết sản xuất trong phát triển KTV-KTTT.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của hội viên, nông dân trực tiếp tham gia thực hiện Đề án; tham gia trực tiếp trong công tác chọn vườn, trang trại đề xuất đầu tư có trọng điểm, tạo sự lan tỏa phong trào cải tạo vườn, phát triển kinh tế trong hội viên; tổ chức, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ đến các hội cơ sở, tạo phong trào thi đua phát triển kinh tế vườn, trang trại; kịp thời khen thưởng các mô hình điển hình ở cơ sở.

**11. UBND các xã, thị trấn**

- Căn cứ vào các điều kiện thực tế địa phương triển khai xây dựng kế hoạch phát triển KTV, KTTT trên địa bàn giai đoạn 2022-2025 và hằng năm; kế hoạch hằng năm gửi Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 31/10 để tổng hợp báo cáo UBND huyện và Sở Nông nghiệp PTNT tỉnh.

- Bổ sung chỉ tiêu phát triển KTV, KTTT vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2022-2025 và kế hoạch hằng năm nhằm tăng cường hơn nữa công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương đối với nhiệm vụ phát triển KTV, KTTT; ưu tiên bố trí, lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án để hỗ trợ phát triển KTV, KTTT.

**Phần VI**

**KIẾN NGHỊ**

Với sự cần thiết và tầm quan trọng của việc ban hành Đề án Phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Núi Thành, giai đoạn 2022-2025, UBND huyện Núi Thành kiến nghị:

1. **Đối với UBND Tỉnh:**

Phân bổ kinh phí trong năm 2022 và những năm tiếp theo cho huyện Núi Thành để thực hiện Đề án.

**2. Đối với HĐND huyện:**

Ban hành Nghị quyết thông qua Đề án Phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Núi Thành giai đoạn 2022-2025 để thực hiện.

Trên đây là Đề án Phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Núi Thành, giai đoạn 2022-2025 của UBND huyện Núi Thành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - TTTV huyện ủy;  - HĐND huyện;  - CT, các PCT UBND huyện;  - Các Ban HĐND huyện;  - Đại biểu HĐND huyện;  - VP HĐND&UBND huyện;  - Các phòng ban UBND huyện liên quan;  - Các hội, đoàn thể huyện;  - UBND các xã, thị trấn;  - Lưu: VT, NN&PTNT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  #ChuKyLanhDao |